

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĂN YÊN  
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28-12-2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Chu Thị Thoảng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Hà Thị Minh Quế

Bà Ngô Thị Hoa

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 276/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Bàn Văn S, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn V, xã M, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (có mặt)

**- Bị đơn:** Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn V, xã M, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Bàn Văn S trình bày: Tôi và chị Hoàng Thị D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký ngày 17/2/2017 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc đến ngày 23/4/2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị D còn tính trẻ con hay đi chơi tụ tập rượu chè, bỏ bê và không chăm lo gì đến gia đình. Mặc dù tôi đã nhiều lần góp ý khuyên bảo nhưng chị D không thay đổi được.

Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi cọ nhau. Chị D thường xuyên bỏ nhà đi nhiều ngày mới về. Từ ngày 11/9/2020 chị D lại bỏ đi không chung sống cùng tôi nữa. Tôi điện thoại không được mà chỉ liên lạc được trên zalo với chị D mà thôi. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn chị D.

\* Về con chung: Có 01 cháu: Bàn Hoàng Thanh T, sinh ngày 11/8/2017. Hiện cháu T đang sống cùng tôi. Khi ly hôn tôi nhận nuôi con và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Công việc của tôi làm nghề tự do, thu nhập một tháng được 8.000.000đồng đủ điều kiện để nuôi con.

\* Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án. Tòa án nhân dân huyện Văn Yên đã làm các thủ tục niêm yết theo quy định pháp luật nhiều lần đối với chị Hoàng Thị D nhưng chị D không có mặt theo các giấy tờ của Tòa án nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự được.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh S được ly hôn chị D. Áp dụng điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu Bàn Hoàng Thanh T, sinh ngày 11/8/2017 cho anh S nuôi dưỡng. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bàn Văn S và chị Hoàng Thị D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái vào ngày 17 tháng 2 năm 2017 là hôn nhân hợp pháp. Anh S cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc đến ngày 23/4/2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị D còn tính trẻ con hay đi chơi tụ tập rượu chè, bỏ bê và không chăm lo gì đến gia đình. Mặc dù anh S đã nhiều lần góp ý khuyên bảo nhưng chị D không thay đổi được. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi cọ nhau. Chị D thường xuyên bỏ

nhà đi nhiều ngày mới về. Từ ngày 11/9/2020 chị D lại bỏ đi không chung sống cùng anh S nữa. Anh S điện thoại không được mà chỉ liên lạc được trên zalo với chị D mà thôi. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Anh S xin ly hôn chị D là có căn cứ.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra hiện nay anh S và chị D đã không chung sống cùng nhau nữa. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa anh S và chị D đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho anh S được ly hôn chị D là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 01 cháu: Bàn Hoàng Thanh T, sinh ngày 11/8/2017. Khi ly hôn anh S nhận nuôi con và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị D đã bỏ đi không rõ địa chỉ, cháu T đang ở cùng anh S. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu T được ổn định, đầy đủ. Do vậy cần giao cháu T cho anh S nuôi dưỡng. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Anh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điều 56; 57; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 điều 227; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Bàn Văn S được ly hôn chị Hoàng Thị D.
2. Về con chung: Có 01 cháu: Bàn Hoàng Thanh T, sinh ngày 11/8/2017.

Xử giao cháu Bàn Hoàng Thanh T cho anh Bàn Văn S trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Chị Hoàng Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Anh Bàn Văn S phải chịu 300.000đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2017/0003750 ngày 01/10/2020 tại Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Xác nhận anh S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh S có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã M.
- Lưu HS-TQĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Thị Thoảng**